

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/DS-PT

Ngày: 05/02/2026

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Lê Huy

Ông Võ Ngọc Giàu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Kim Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***  
Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 839/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1492/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

***- Bị đơn:***

1. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1966;

2. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Trịnh Thị Ú, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn Huỳnh Thị D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Q trình bày:***

Chị Lê Thị Ngọc Q có tham gia một dây hụi do bà Huỳnh Thị D làm đầu thảo, dây hụi khai vào ngày 20/4/2021 âm lịch đến 20/4/2024 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, dây hụi này gồm 13 phần, chị Q tham gia 01 phần, tên hụi viên là “Q U”, trong dây hụi này chị Q đã đóng hụi được 12 lần và là người hốt chót nhưng đến nay bà D không giao hụi cho chị Q, mặc dù dây hụi này đã mãn. Bà D có đưa giấy hụi cho chị Q, ghi tên là “Q Út Miên” trên đầu trang giấy hụi và có tên trong danh sách hụi. Do tin tưởng nên chị Q không đến khai hụi, sau khi khai thì chị Q có đến nhà bà D hỏi người chơi bỏ bao nhiêu, thì chị Q đóng hụi cho bà D, tất cả các lần thì chị Q đều đến nhà bà D đưa tiền mặt cho bà D. Có những hụi viên khác biết chị Q có tham gia hụi của bà D, ngoài ra có T ấp là anh T1 cũng chứng kiến việc chị có đến đóng hụi cho bà D. Do chị Q hốt hụi chót nên chị Q được nhận số tiền là: 5.000.000 đồng x 12 phần = 60.000.000 đồng, trừ đầu thảo cho bà D 1.500.000 đồng, bà D phải giao cho chị Q số tiền 58.500.000 đồng.

Đến lần đóng hụi thứ 11, chị Q có đến đóng tiền cho bà D có mặt ông Đ, mặc dù chị Q biết ông Đ không đứng làm đầu thảo hay đi gom hụi, chị Q cũng không có đóng tiền cho ông Đ, nhưng khi chị Q đến nhà bà D để yêu cầu bà D giao hụi, thì ông Đ đứng ra nói chuyện về việc hụi, nên nay chị Q yêu cầu cả ông Đ và bà D phải liên đới trả nợ hụi cho chị Q.

Nay chị Lê Thị Ngọc Q yêu cầu bà Huỳnh Thị D, ông Dương Văn Đ liên đới trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 58.500.000 đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*). Không yêu cầu tính lãi.

*\* Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị D trình bày:*

Bà Huỳnh Thị D có làm đầu thảo, dây hụi mở khai vào ngày 20/4/2021 âm lịch đến 20/4/2024 âm lịch là mãn hụi, hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, dây hụi này gồm 13 phần, nhưng chị Q không tham gia dây hụi này. Trong dây hụi này bà Trịnh Thị Ú có tham gia hai phần lấy tên là “Th Út M” và tên “Q Út Miên”, do bà Ú yêu cầu bà D ghi như vậy để tránh việc các hụi viên khác thắc mắc.

Do đó, đối với dây hụi đang tranh chấp, thì chị Lê Thị Ngọc Q không tham gia hụi, chỉ có mẹ chị Q là bà Trịnh Thị Ú tham gia hai phần lấy tên là “Th Út M”, “Q Út M”. Cụ thể Bà Trịnh Thị Ú đã hốt hết hai lần, lần đầu bà Ú hốt ngày 20/4/2021 Âm lịch, hốt lần mở hụi khai đầu tiên và bà Ú bỏ hụi 1.650.000 đồng, hốt 40.200.000 đồng, trừ đầu thảo cho bà D 1.500.000 đồng, bà D giao cho bà Ú số tiền 38.700.000 đồng. Lần thứ hai bà Ú hốt là lần khai hụi thứ 5, khai hụi vào ngày 20/4/2022 Ấ, bà Ú bỏ hụi 1.600.000 đồng, hốt được

47.200.000 đồng, trừ đầu thảo cho bà D là 1.500.000 đồng, bà D giao cho bà Ú 45.700.000 đồng. Việc giao nhận hui không có làm giấy tờ gì. Trong trường hợp, nếu hui viên tham gia dây hui này, nếu hốt chót thì bà D sẽ giao hui với số tiền là 58.500.000 đồng.

Trước đây bà D có khởi kiện bà Ú trong dây hui này để yêu cầu bà Ú trả tiền nợ hui, tuy nhiên chỉ khởi kiện dây hui này một phần với tên “Th Út Miên”, tức bà Trịnh Thị Ú, đối với phần hui thứ hai do trong giấy hui bà D ghi tên “Q Út Miên” nên bà D không khởi kiện phần hui thứ hai này trong vụ án đó.

Việc bà D làm đầu thảo hui, mặc dù ông Đ biết, nhưng chỉ có bà D đứng ra làm đầu thảo hui, ông Đ thì làm công việc khác, thường xuyên đi làm ăn xa nhà, nên ông Đ không liên quan gì đến việc làm đầu thảo hui giữa bà với các hui viên khác.

Nay bà Huỳnh Thị D không đồng ý liên đới cùng ông Dương Văn Đ trả số tiền nợ hui còn thiếu là 58.500.000 đồng (*Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) cho chị Lê Thị Ngọc Q.

*\* Bị đơn ông Dương Văn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà sơ thẩm. Tại văn bản ý kiến và bản khai ông Đ trình bày:*

Ông Dương Văn Đ chỉ đi làm cắt lúa, máy gặt đập liên hợp ở xa, không tham gia hui, không làm đầu thảo cũng như không đi gom hui, mặc dù biết được bà D có làm đầu thảo hui nhưng không tham gia làm đầu thảo hui cùng bà D, nên ông Đ không đồng ý liên đới trả số tiền 58.500.000 đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) cho chị Lê Thị Ngọc Q.

*\* Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên toà sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Ú trình bày:*

Bà Trịnh Thị Ú không đồng ý theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị D. Việc bà D có làm đầu thảo, dây hui mở khai vào ngày 20/4/2021 âm lịch đến 20/4/2024 âm lịch mần hui, hui 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, dây hui này gồm 13 phần, trong dây hui này bà Ú chỉ tham gia 01 phần, lấy tên là “Th Út M”, và bà Ú đã hốt hui xong, nên việc bà D trình bày bà Trịnh Thị Ú, tham gia hai phần lấy tên là “Th Út M”, “Q Út M” là không đúng. Việc bà D trình bày đối với dây hui này đã được khởi kiện bằng một vụ án khác, đã được Toà án giải quyết, nhưng chỉ khởi kiện bà Ú có 01 phần là “Th Út Miên” là đúng, do đó việc bà D trình bày bà Ú tham gia thêm một phần “Q Út Miên” là không có cơ sở, nếu bà Ú có tham gia cả hai phần thì bà D đã khởi kiện bà cả hai phần trong vụ án trước.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp đã quyết định:*

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Q.

Buộc bà Huỳnh Thị D trả cho chị Lê Thị Ngọc Q số tiền nợ hui là 58.500.000 đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2025, bị đơn Huỳnh Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DSST ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp theo hướng hủy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Q.

*Tại phiên tòa phúc thẩm;*

Bà Huỳnh Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Viện kiểm sát phân tích, đánh giá về nhận định của bản án sơ thẩm, qua trình bày của người tham gia tố tụng, xác định phán quyết của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị D nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đối với bà Trịnh Thị Ú có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà không ảnh hưởng đến phiên tòa phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Qua lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Q xác định: Chị Q có tham gia 01 phần hội do bà Huỳnh Thị D làm chủ, hội 5.000.000 đồng, khai vào ngày 20/4/2021 âm lịch, gồm 13 phần, chị Q hót chót với số tiền 58.500.000 đồng, nhưng bà D không giao hội. Nay chị Q yêu cầu bà Huỳnh Thị D và ông Dương Văn Đ liên đới trả số tiền nợ hội còn thiếu là 58.500.000 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị D thừa nhận có làm đầu thảo, dây hội mở khai vào ngày 20/4/2021 âm lịch đến 20/4/2024 âm lịch, hội 5.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, dây hội này gồm 13 phần, bà D trình bày chị Q không tham gia dây hội này, nhưng trong dây hội này bà Ú có tham gia hai phần lấy tên là “Th Út M” và tên “Q Út Miên”, do bà Ú yêu cầu bà D ghi như vậy và bà Ú đã hót hai phần hội này, nên bà D đã giao tiền hai phần hội này cho bà Trịnh Thị Ú, nhưng không làm giấy tờ chứng minh việc giao hai phần hội này cho bà Ú.

Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bà D, thì bà D thừa nhận giấy hội phía chị Q cung cấp là do chính chữ viết của bà D, bà D cũng khai mỗi hội viên đều được bà ghi giấy hội và phát cho mỗi hội viên, phù hợp với lời trình bày của chị Q, chị Q trình bày có nhận được giấy hội của bà D, phía trên có ghi tên “Q Út Miên”. Mặt khác, bà D cung cấp sổ hội gốc do bà ghi để quản lý, thu hội thì bà vẫn ghi hội viên có tên “Q Út Miên” có tham gia 01 phần và đã hót hội, nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc mình đã giao hội cho hội viên có tên “Q Út M”. Đối với hai đoạn ghi âm phía nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Q cung cấp, được phát công khai tại phiên tòa với nội dung chị Q và chồng đến đóng hội cho bà D và bà D đồng ý giao hội ở lần hót chót, bà D tại phiên tòa cũng thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm là của bà D. Nên việc bà D cho rằng chị Q không có tham gia hội dây hội đang tranh chấp do bà D làm đầu thảo là không phù hợp.

Ngoài ra theo lời khai người làm chứng, ông Trương Văn T1 là Trưởng ấp T, thì việc ông T1 có cùng bà Q đến nhà bà D để chứng kiến việc bà Q yêu cầu bà D cho đóng thêm một lần hui nữa để được hót chót thì bà D đồng ý. Đồng thời lời khai của hui viên trong dây hui này, bà Nguyễn Thị N xác định chị Lê Thị Ngọc Q có tham gia một phần. Bà D cũng thừa nhận giữa bà và ông T1, bà N cũng không có mâu thuẫn gì với nhau, nên lời khai của ông T1 và bà N là khách quan và có căn cứ.

Mặt khác, bà Trịnh Thị Ú không thừa nhận việc bà có tham gia hai phần hui lấy tên là “Th Út M” và “Q Út Miên” như bà D trình bày, bà Ú cho rằng chỉ tham gia một phần, đã hót hui xong và đã được giải quyết tranh chấp về phần hui này trong vụ án khác. Bà D không cung cấp các tài liệu chứng cứ về việc đã giao hui đối với phần hui tên “Q Út M” cho bà Ú đối với phần hui này, do đó việc bà Ú trình bày là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Huỳnh Thị D trả cho chị Lê Thị Ngọc Q số tiền nợ hui là 58.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp nội dung vụ án, đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX thống nhất.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **Xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Q.

Buộc bà Huỳnh Thị D trả cho chị Lê Thị Ngọc Q số tiền nợ hụi là 58.500.000 đồng (*năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002422 ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 8 – Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Trung Hiếu**